

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VŨ THỊ CÚC

VẤN ĐỀ GIỚI TRONG DI CƯ TỰ DO
TỪ NÔNG THÔN ĐẾN THÀNH THỊ HIỆN
NAY

(Nghiên cứu trường hợp Hà Nội)

LUẬN VĂN THẠC SĨ XÃ HỘI HỌC

Hà Nội - 2011

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VŨ THỊ CÚC

**VẤN ĐỀ GIỚI TRONG DI CƯ TỰ DO TỪ NÔNG
THÔN ĐẾN THÀNH THỊ HIỆN NAY**

(Nghiên cứu trường hợp Hà Nội)

Chuyên ngành: Xã hội học

Mã số: 60.31.30.

LUẬN VĂN THẠC SỸ

Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. LÊ THỊ QUÝ

Hà Nội, tháng 8 - 2011

1. Mở đầu

Lý do lựa chọn đề tài

Người di cư tự do đến các thành phố ngày càng tăng cả về quy mô và cường độ.

Tỷ lệ phụ nữ tham gia di cư ngày càng tăng, và còn chịu nhiều thiệt thòi hơn so với nam giới.

Chính sách dành cho người di cư tự do hiện nay còn thiếu.

Còn thiếu những nghiên cứu về giới trong di cư tự do.

Mục tiêu nghiên cứu

- Tìm hiểu quan niệm về vai trò của phụ nữ và nam giới trong di cư tự do.
- Phân tích sự khác biệt giới trong nghề nghiệp của người di cư.
- Tìm hiểu vai trò của phụ nữ và nam giới trong quyền quyết định di cư.
- Phân tích một số vấn đề về giới trong chính sách đối với người di cư tự do.
- Đề xuất các giải pháp nâng cao bình đẳng giới và vai trò của người phụ nữ nông thôn trong quá trình di cư.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích tài liệu:

- Phân tích tài liệu sơ cấp

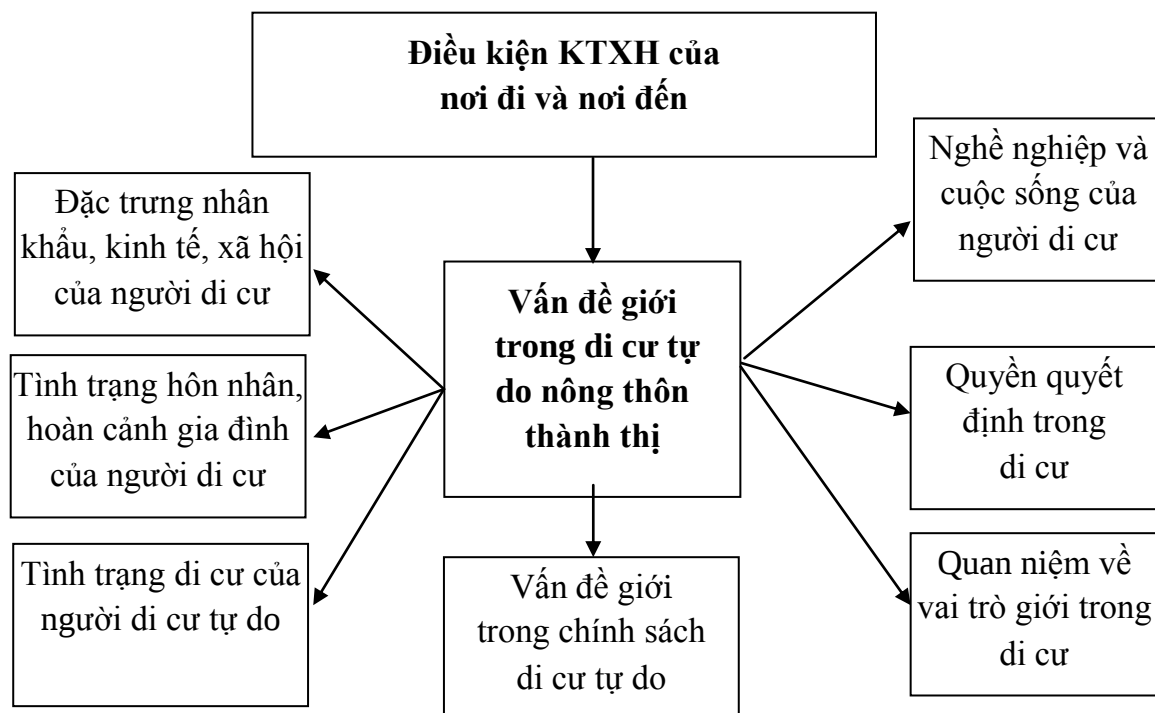
- Phân tích tài liệu thứ cấp

Phương pháp phân tích số liệu thống kê sẵn có:

Giả thuyết nghiên cứu

- Trong di cư tự do, nam giới thường dễ di cư hơn phụ nữ giới do được coi là người có vai trò trụ cột trong gia đình.
- Nam giới di cư thường thuận lợi hơn nữ giới trong các cơ hội về việc làm và thu nhập.
- Có sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới trong quyền quyết định việc di cư, nam giới có xu hướng chủ động hơn nữ giới trong quyết định di cư.
- Trong các chính sách về di cư, còn thiếu các chính sách dành cho người di cư tự do nói chung và phụ nữ di cư tự do nói riêng.

Khung phân tích:



Các lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu

Lý thuyết về lực hút - lực đẩy của Ravenstein

Lý thuyết giới trong nghiên cứu về di cư

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số đặc điểm của người di cư tự do

Phần lớn người di cư ở trong độ tuổi lao động từ 21 đến 50 tuổi.

Tỷ lệ phụ nữ di cư cao hơn so với nam giới.

Trình độ học vấn của lao động nữ di cư thấp hơn nam giới.

Tỷ lệ người di cư đã kết hôn 75,4%, độc thân chỉ có 20,4%.

Nghề nghiệp chủ yếu là lao động giản đơn, làm thuê, công nhân, tự kinh doanh...

Tỷ lệ những người di cư một mình chiếm 59,6%, tỷ lệ các cặp vợ chồng di cư cùng nhau chiếm 18,6%, số người di cư cả gia đình bao gồm cả vợ chồng, con cái chiếm tỷ lệ nhỏ 4,9%.

2.2. Vấn đề giới trong di cư tự do từ nông thôn đến thành thị

2.2.1. Quan niệm về vai trò giới trong di cư

Tỷ lệ số người quan niệm kiếm tiền là bổn phận của người chồng cao gấp 10 lần so với tỷ lệ số người coi kiếm tiền là bổn phận của người vợ

Bảng 2.1. Yếu tố tác động đến quan niệm về vai trò kiếm tiền theo giới (%)

Các yếu tố tác động	Kiếm tiền là bổn phận của người vợ	Kiếm tiền là bổn phận của người chồng
Giới tính		
Nam	0	100
Nữ	100	0
Tình trạng hôn nhân		
Độc thân	0	0
Đã kết hôn	100	100
Ly hôn/ ly thân/ góa, sống thử, kết hôn lại	0	0
Trình độ học vấn		
Tiểu học	100	81,8%
Trung học phổ thông	0	18,2%
Trung học cơ sở	0	0
Trung cấp trở lên	0	0
Nghề nghiệp trước khi di cư		
Công nhân viên chức	0	0
Nông dân	100	72,7
Buôn bán dịch vụ	0	0
Học sinh/sinh viên	0	0
Nghề tự do (thợ xây, thợ mộc...)		27,3
Việc không ổn định (làm thuê, làm mướn...)	0	0

Hưu trí, mất sức	0	0
Nghề nghiệp tìm được khi di cư		
Giúp việc gia đình	0	
Tự kinh doanh (bán hàng rong, đồng nát...)	100	18,2
Lao động làm thuê tự do (bốc vác, xe ôm)	0	72,7
Công nhân (thợ may, mộc, xây...)	0	9,1
Khác	0	0

Điều tra di cư tại Hà Nội năm 2008-2009. Viện Gia đình và Giới

2.2.2. Khác biệt giới trong các nguyên nhân tại nơi đi

Bảng 2.2. Lý do di cư theo giới tính người trả lời (%)

Quan niệm	Giới tính người trả lời	
	Nam	Nữ
Thiếu đất canh tác nông nghiệp, không có đất	39,2	48,3
Thu nhập quá thấp, nghèo túng, nợ nần phải trả	45,8	45,1
Thời gian nông nhàn nhiều	14,7	23,4
Chị em/ anh em bè bạn rủ rê cùng đi	9,4	11,8
Hy vọng cải thiện kinh tế	53,9	54,6
Mong muốn được nâng cao hiểu biết,	5,3	5,0
Đổ vỡ gia đình, gia đình lục đục	0,0	1,6
Đi vì tương lai con cái và gia đình	10,3	24,7
Kiểm tiền vì đó là bổn phận của người chồng	6,9	0,0
Kiểm tiền vì đó là bổn phận của người vợ	0,0	0,5
Đi theo chồng (vợ)	0,3	4,5
Nghe đài báo, xem ti vi thấy đô thị hấp dẫn	0,9	0,3
Hy vọng có thể gặp người chồng / vợ tốt hơn ở quê	0,3	0,8

Điều tra di cư tại Hà Nội năm 2008-2009. Viện Gia đình và Giới

Bảng 2.3. Các yếu tố tác động đến di cư do nghèo túng, thu nhập thấp (%)

	Di cư do thu nhập quá thấp, nghèo túng		
	<i>Có</i>	<i>Không</i>	<i>Tổng</i>
Trình độ học vấn			
Trung học cơ sở trở xuống	81,4	74,9	77,9
THPT	17	22,5	20
Trung cấp	0,9	2,1	1,6
Cao đẳng, đại học	0,6	0,5	0,6
Tình trạng hôn nhân			
Độc thân	11,9	27,5	20,4
Đã kết hôn	82,4	69,6	75,4
Ly hôn, ly thân, goá, sống thử	5,7	2,9	4,1
Tuổi			
Dưới 20	3,8	7,3	5,7
Từ 20 - 34	39,3	49	44,6
Từ 35 - 49	45,6	36,6	40,7
Trên 50	11,3	7,1	9
Khoảng cách di cư			
Từ 15 - 50km	21,4	21,7	21,6
Từ 51 - 100km	33	42,9	38,4
Từ 101 - 200km	44	32,2	37,6
Từ 201 - 550	1,6	3,1	2,4

Điều tra di cư tại Hà Nội năm 2008-2009. Viện Gia đình và Giới

Bảng 2.4. Lý do chọn Hà Nội làm nơi di cư theo giới tính (%)

Lý do chọn Hà Nội	Giới tính	
	Nam	Nữ
Đã từng đến thăm Hà Nội	3,4	2,4
Thủ đô dễ kiếm tiền, nhiều việc	56,1	49,6
Có nhiều người làng đang làm ở HN	26,0	38,6
Không quá xa quê, có thể đi về thuận lợi	43,3	45,9
Cuộc sống thủ đô văn minh hơn nơi khác	7,2	4,5
Có người làng/họ hàng giới thiệu việc	14,4	18,4
Ở thủ đô không ai soi mói việc mình làm	0	0,8
Có họ hàng đang sinh sống tại Hà Nội	4,4	6
Con cái đang đi học/chữa bệnh tại Hà Nội	0,6	1
Rút kinh nghiệm ở những lần di cư khác	0,3	0,5

Điều tra di cư tại Hà Nội năm 2008-2009. Viện Gia đình và Giới

2.2.3. Nghề nghiệp và cuộc sống của người di cư tại nơi đến

Bảng 2.5. Nghề nghiệp của người di cư khi đến Hà Nội (%)

Nghề nghiệp	Giới tính	
	Nam	Nữ
Giúp việc gia đình	0	3,9
Tự kinh doanh, bán hàng rong, đồng nát	21,9	65,6
Lao động làm thuê tự do: bốc vác, xe ôm...	53,3	20,2
Công nhân, thợ xây, thợ mộc, thợ may...	23,2	8,9
Khác	1,6	1,3

Điều tra di cư tại Hà Nội năm 2008-2009. Viện Gia đình và Giới

Bảng 2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến nghề nghiệp (%)

	Nghề nghiệp của người di cư				
	Giúp việc gia đình	Tự kinh doanh	Lao động làm thuê	Công nhân	Khác
Trình độ học vấn					
THCS trở xuống	86,7	91,3	74,9	45,4	60
THPT	13,3	8,8	24,3	43,5	30
Trung cấp	0	0	0	10,2	0
Cao đẳng, đại học	0	0	0,8	0,9	10
Tình trạng hôn nhân					
Độc thân	33,3	10,9	17,8	49,1	50,0
Đã kết hôn	46,7	83,8	78,9	50	50
Ly hôn, ly thân	0	1,9	1,2	0	0
Goá	13,3	3,1	2,0	0,9	0
Sống thử	6,7	0	0	0	0
Kết hôn lại	0	0,3	0	0	0
Thu nhập					
Từ 400 đến 1 triệu	60	19,7	13,8	4,6	20
Từ 1,1 đến 2 triệu	40	70,9	61,1	75	60
Từ 2,1 đến 3 triệu	0	7,2	19,4	17,6	10
Từ 3,1 đến 6 triệu	0	2,2	5,7	2,8	10

Điều tra di cư tại Hà Nội năm 2008-2009. Viện Gia đình và Giới

2.2.4. Khác biệt giới trong quyền quyết định di cư

*Người gợi ý di cư

Mạng lưới quan hệ xã có ảnh hưởng quan trọng đến quyết định di cư.

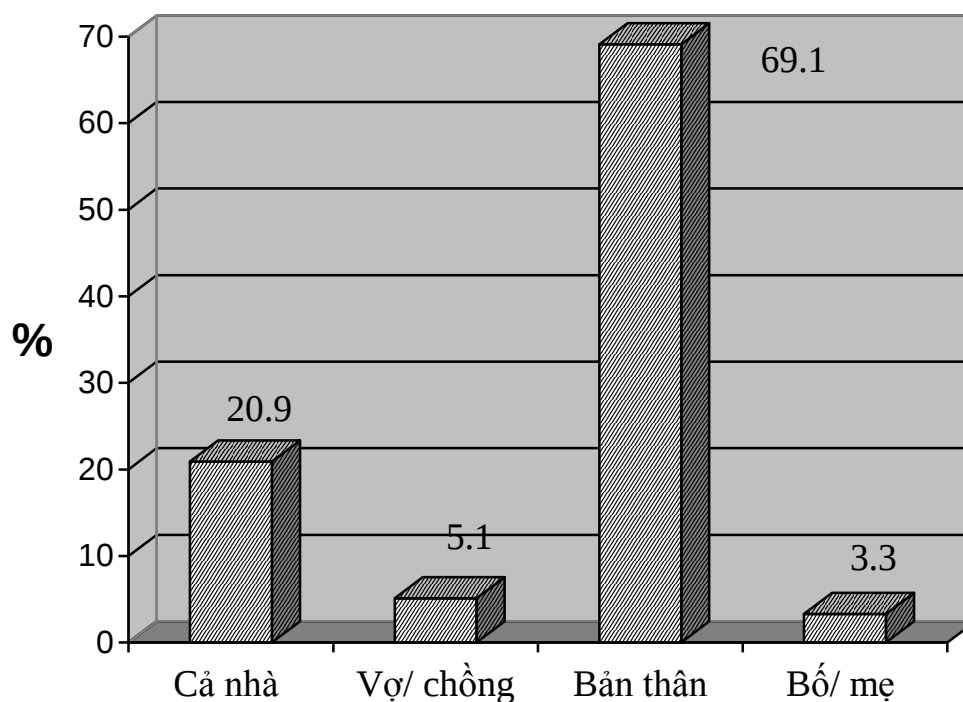
Nam giới ít chịu ảnh hưởng của mạng lưới quan hệ xã hội hơn so với nữ giới.

Bảng 2.7. Người gợi ý di cư và các yếu tố tác động (%)

	Người gợi ý di cư					
	Hàng xóm, bạn bè	Chồng/vợ	Bản thân	Bố mẹ, con cái	Không nhớ	Khác
Giới tính						
Nam	43,3	1,6	39,5	16,6	0	2,5
Nữ	40,7	10	23,4	26,2	0,3	1,3
Trình độ học vấn						
THCS trở xuống	80,5	83,7	77,7	74,5	100	69,2
THPT	18,1	16,3	19,5	22,9		23,1
Trung cấp	1	0	1,4	2,6		7,7
Cao đẳng, đại học	0,3	0	1,4	0		0
Tình trạng hôn nhân						
Độc thân	21,8	0	19,5	24,2	0	38,5
Đã kết hôn	75,4	100	74	71,2	100	61,5
Ly hôn, ly thân	0,3	0	3,3	0,7	0	0
Goá	2,4	0	3,3	2,6	0	0
Sống thử	0	0	0	0,7	0	0
Kết hôn lại	0	0	0	0,7	0	0
Tuổi						
Dưới 20	4,4	4,7	6,5	8,5	0	0
Từ 20 - 34	43,7	51,2	41,9	45,1	0	76,9
Từ 34 - 49	40,6	39,5	42,8	38,6	100	23,1
Trên 50	11,3	39,5	8,8	7,8	0	0

**Người quyết định di cư trong gia đình*

Biểu đồ 2.1. Người quyết định di cư (%)



Bảng 2.8. Quyền quyết định theo giới tính và tình trạng hôn nhân (%)

	Cả nhà	Vợ/ chồng tôi	Bản thân tôi	Bố mẹ
Giới tính NTL				
Nam	12,2	1,3	80,3	4,7
Nữ	28,1	8,4	59,8	2,1
Tình trạng hôn nhân lúc di cư lần đầu				
Độc thân	6,8	0	83,1	6,8
Đã kết hôn	29,1	7,8	60,8	1,6
Ly thân/ ly hôn/ góa	0	0	100	0

Nguồn: Báo cáo đề tài "Sự thích ứng của người di cư tự do từ nông thôn đến Hà Nội và các vùng phụ cận"

Kết quả phân tích cho thấy tình trạng hôn nhân tại thời điểm di cư lần đầu có

ảnh hưởng khá mạnh đến quyết định di cư

2.3. Phân tích giới trong chính sách đối với người di cư tự do

Người di cư tự do ít nhận được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương nơi nhập cư mà chủ yếu là sự trợ giúp họ hàng hoặc bạn bè quen biết.

Người di cư gần như không biết một chương trình nào liên quan đến họ đã hoặc đang được thực hiện.

**Bảng 2.9. Biết về các chương trình giúp đỡ của phường
đối với người di cư theo giới tính (%)**

	<i>Giới tính</i>		<i>Tổng</i>
	<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	
Có biết	4,1	5,2	4,7
Không biết	95,9	94,8	95,3
Tổng	100	100	100

Con cái của người di cư ít có cơ hội được vào học tại các trường công lập trên địa bàn thành phố.

57,1% số người trả lời họ gặp khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế Hà Nội, rất đông người di cư khi bị ốm đau có xu hướng về quê khám chữa bệnh bởi các lý do như giá dịch vụ rẻ và gần như được miễn giảm hoàn toàn tiền thuốc men từ bảo hiểm.

Còn đối với chăm sóc sức khỏe sinh sản cho thấy phần lớn người di cư gặp khó khăn trong việc tiếp cận sử dụng các biện pháp tránh thai tại nơi nhập cư, có đến 51,3% số người về quên khám thai và chỉ có 1% trong tổng số 381 người nữ di cư tự do hỏi cán bộ phụ nữ ở gần nhà trọ khi cần đến biện pháp tránh thai.

Kết luận

Thực trạng di cư ở Việt Nam cũng không nằm ngoài qui luật chung của tình trạng di cư quốc tế là có sự liên quan mật thiết đến sự bất bình đẳng về kinh tế xã hội giữa nông thôn và thành thị.

Có rất nhiều lý do thúc đẩy người dân di cư nhưng xét đến cùng nguyên nhân kinh tế vẫn là động lực chính thúc đẩy người dân di cư, hầu hết họ đến Hà Nội kiếm

sống vì lý do nghèo đói và thu nhập thấp, thiếu việc làm ở nông thôn.

Xuất phát điểm của người di cư nói chung, phụ nữ nói riêng là trình độ học vấn thấp và không có chuyên môn nghề nghiệp, thiếu vốn nên hầu hết người di cư tự do đến Hà Nội là đi làm thuê, buôn bán tự do.

Với ưu thế về sức khỏe và trình độ nam giới có nhiều cơ hội tìm được việc làm và thu nhập cao hơn so với nữ giới. Đa số phụ nữ di cư ngắn hạn và thời vụ còn nam giới thì di cư lâu dài hơn. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy bên cạnh các công việc phù hợp với đặc điểm giới tính của từng giới thì tỷ lệ phụ nữ làm các công việc giống nam giới như bốc vác, gánh hàng thuê, phụ hồ ngày càng cao. Sự đóng góp của phụ nữ di cư tự do cả về sức lao động tại thành phố cũng như tiền gửi về quê hương ngày càng được khẳng định.

Tuy nhiên bản thân người phụ nữ di cư hiện nay vẫn chưa có quyền chủ động trong việc quyết định di cư so với nam giới.

Trong hệ thống chính sách của Nhà nước hiện nay hầu như còn chưa có chính sách nào bảo đảm quyền lợi cho người di cư tự do. Họ phải tự chi phí, tự thích ứng cũng như tự chịu trách nhiệm với những rủi ro của mình, đặc biệt là nhóm phụ nữ và trẻ em, họ mới chỉ nhận được sự giúp đỡ tự nguyện từ phía tổ chức phụ nữ, đoàn thể của phường, quận nơi họ di cư đến.